TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/HS-ST
Ngày: 30-5-2024.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Huân;

2. Ông Nguyễn Trọng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 05/4/1996, tại: Huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản Cộng, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T1, sinh năm 1965 và con bà Lò Thị T2, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị Tòa án xét xử và chưa bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/02/2024, tạm giam từ ngày 29/02/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trần D là Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 20/02/2024, bị cáo Lò Văn T một mình đi bộ từ nhà ở bản C, xã C đến khu vực bản Bó, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây bị cáo gặp một người đàn ông không quen biết, qua trao đổi bị cáo đã mua được của người này 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa 07 viên Methamphetamine với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Mua được ma túy bị cáo cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải rồi đi bộ về nhà. Hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày khi bị cáo đang đứng tại khu vực đường thuộc bản Bó, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Công an xã C kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ trong lòng bàn tay phải của bị cáo Lò Văn T 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa 07 viên Methamphetamine. Vật chứng thu giữ của bị cáo có khối lượng là 0,7 gam Methamphetamine, gửi toàn bộ giám định chất ma túy, vật chứng hoàn lại 0,6 gam Methamphetamine; 01 mảnh nilon màu hồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 431/KL-KTHS ngày 28/02/2024 của phòng K công an tỉnh Đ kết luận: "*Vật chứng thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 0,7 gam là chất ma tuý: Loại Methamphetamine"*.

Tại bản Cáo trạng số: 76/CT-VKSTG ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố: Bị cáo Lò Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù và không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong bằng phong bì màu trắng các mép đều được dán kín có chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 01 vỏ phong bì cũ; 01 gói niêm phong bằng phong bì công văn của Phòng K - Công an tỉnh Đ chứa mẫu vật hoàn lại có khối lượng 0,6 gam Methamphetamine. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Kiểm sát viên xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; nhất trí với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không phạt bổ sung bằng tiền và miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Hồi 12 giờ 30 phút ngày 20/02/2024, tại bản Bó, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên Công an bắt người phạm tội quả tang thu giữ của bị cáo Lò Văn T 07 viên Methamphetamine có khối lượng 0,7 gam, mục đích bị cáo mua ma túy để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng đã bị thu giữ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định, Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố. Với hành vi và khối lượng chất ma túy bị thu giữ thì bị cáo Lò Văn T đã phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2] Về tính chất và mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của bị cáo trực tiếp, tiếp tay cho những người chuyên mua bán trái phép các chất ma túy tồn tại và phát triển; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm .... làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện T nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hành vi bị cáo thực hiện là tội phạm nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời giúp bị cáo cai nghiện chất ma túy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xét thấy nghề nghiệp của bị cáo là làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Kiểm sát viên đề nghị: Xét mức hình phạt Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Người bào chữa đề nghị: Xét thấy mức hình phạt người bào chữa đề nghị cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 20/02/2024 do bị cáo không biết tên, địa chỉ của người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không có cơ sở để điều tra, làm rõ, nên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 gói niêm phong bằng phong bì màu trắng các mép đều được dán kín có chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 01 vỏ phong bì cũ; 01 gói niêm phong bằng phong bì công văn của Phòng K - Công an tỉnh Đ chứa mẫu vật hoàn lại có khối lượng 0,6 gam Methamphetamine là chất Nhà nước cấm tàng trữ cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi và các quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[10] Về án phí: Lẽ ra bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 20/02/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 gói niêm phong bằng phong bì màu trắng các mép đều được dán kín có chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 01 vỏ phong bì cũ; 01 gói niêm phong bằng phong bì công văn của Phòng K - Công an tỉnh Đ chứa mẫu vật hoàn lại có khối lượng 0,6 gam Methamphetamine theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP, Sở TP tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo (03 bản);
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Người bào chữa
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương